

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ KUIN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2019/HNGĐ-ST
Ngày 31 - 10 -2019
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ KUIN.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quốc Định.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Bá Thương

Bà Phan Thị Thiện

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin không tham gia phiên tòa: Theo công văn số 1022/CV-VKS-DS ngày 23/10/2019 về việc chuyển hồ sơ vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 31 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 88/2019/TLST-HNGĐ ngày 13/6/2019 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Thi Thị Thu H, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Thôn H, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.

(Yêu cầu xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Thôn C, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

(Yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Thi Thị Thu H trình bày:

Chị H và anh L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước vào ngày 26/10/2016. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống chung tại thôn H, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước. Vợ chồng sống có hạnh phúc được một thời gian, đến đầu năm 2019 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, anh L chuyển về tỉnh Đắk Lắk sinh sống còn chị H vẫn sống ở tỉnh Bình Phước, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng không có hạnh phúc. Trong cuộc sống hàng ngày vợ chồng thường xuyên cãi vã thậm chí còn xô xát với nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trở nên trầm trọng không thể hàn gắn được nên chị H yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc L.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có nên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì công việc bận rộn nên không thể trực tiếp tham gia tố tụng tại Tòa án được. Vì vậy, chị H đề nghị được vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, đối chất, hòa giải và công khai chứng cứ cũng như vắng mặt trong tất cả các phiên tòa xét xử.

Theo các đơn đề nghị ngày 19/8/2019 và ngày 07/10/2019 bị đơn là anh Nguyễn Ngọc L trình bày:

Anh L và chị H sau thời gian tìm hiểu và đi đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước vào ngày 26/10/2016. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tự lập tại thôn H, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước. Vợ chồng sống hòa thuận và hạnh phúc được một thời gian, đến đầu năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống nên vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ đó cho đến nay. Nay chị H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh L thì anh L đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có nên anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì có công việc bận và thường xuyên phải đi làm ăn xa nên anh L không tham gia tố tụng tại Tòa án được nên anh L yêu cầu Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết: Chị Thi Thị Thu H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Ngọc L, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do bị đơn có địa chỉ nơi cư trú tại thôn C, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin. Quá trình giải quyết vụ án cả nguyên đơn và bị đơn đều có đơn yêu cầu giải quyết và xét xử vắng mặt nên Tòa án không tiến hành được phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đề thụ lý, giải quyết và xét xử vắng mặt tất cả các đương sự là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Thi Thị Thu H và anh Nguyễn Ngọc L xác lập quan hệ hôn nhân với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước vào ngày 26/10/2016 nên quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh L là hợp pháp và được pháp luật công nhận. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống giữa chị H và anh L thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp tính tình với nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày nên làm ảnh hưởng đến hạnh phúc. Hiện nay, vợ chồng đã sống ly thân và cả hai đều có nguyện vọng ly hôn với nhau. Vì vậy, căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân gia đình Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Thi Thị Thu H và anh Nguyễn Ngọc L.

[3] Về con chung, tài sản chung và nợ chung của hai vợ chồng không có, các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Thi Thị Thu H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 144, 147, 228, 235, 238, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 51, Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thi Thị Thu H.

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Thi Thị Thu H và anh Nguyễn Ngọc L.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có và các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

- Về án phí: Chị Thi Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0014737 ngày 11/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Anh Nguyễn Ngọc L không phải chịu án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Huyện Cư Kuin;
- Chi Cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- UBND xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Quốc Định